

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỊNH QUÁN
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **64/2020/HNGĐ-ST**

Ngày: 31-8-2020

V/v: “Ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỊNH QUÁN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Ngọc Quyền

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Dương Văn Hạnh
Ông Hoàng Xuân Mẫn

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thùy Trang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Định Quán.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Định Quán: Không tham gia.

Ngày 31 tháng 8 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Định Quán xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 326/2020/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 7 năm 2020 về việc “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 73/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 7 năm 2020, giữa:

- Nguyên đơn: Ông Phạm Duy T, sinh năm: 1976

Địa chỉ: Số 264 N, khóm 3, phường 2, thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang.

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thụy Thanh T1, sinh năm: 1979

Địa chỉ: Ấp 3, xã P, huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai.

(Đương sự vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Phạm Duy T trình bày:

Sau thời gian quen biết và tìm hiểu nhau, tôi và bà T1 tự nguyện đi đến kết hôn, được UBND xã Phú Vinh, huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn số 131, quyển số 01, ngày 24/11/2003.

Sau khi kết hôn cuộc sống vợ chồng hạnh phúc được vài năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hợp nhau nên bà T1 đi theo người đàn ông khác. Chúng tôi đã sống ly thân từ cuối năm 2017 đến nay.

Hiện nay tôi không còn tình cảm gì với bà T1, tôi yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với bà T1.

Về con chung: Tôi và bà T1 có 01 con chung tên là Phạm Nguyễn G, sinh ngày 07/9/2004. Khi ly hôn tôi yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu bà T1 cấp dưỡng nuôi con chung.

Về T sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tại bản tự khai đề ngày 17/7/2020 bị đơn bà Nguyễn Thụy Thanh T1 trình bày:

Tôi đồng ý ly hôn với ông Phạm Duy T theo lời trình bày của ông T.

Về con chung: Tôi và ông T có 01 con chung tên là Phạm Nguyễn G, sinh ngày 07/9/2004. Khi ly hôn tôi tự nguyện giao con chung cho ông T được trực tiếp nuôi dưỡng, tôi không cấp dưỡng nuôi con chung.

Về T sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các T liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn ông Phạm Duy T và bị đơn bà Nguyễn Thụy Thanh T1 có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông T và bà T1.

[2] Về quan hệ pháp luật: Theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì quan hệ pháp luật được xác định là “Ly hôn” quy định tại Điều 51 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Phạm Duy T và bà Nguyễn Thụy Thanh T1 tự nguyện đăng ký kết hôn, được UBND xã Phú Vinh, huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn số 131, quyển số 01, ngày 24/11/2003. Căn cứ Điều 9, Điều 11 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 xác định hôn nhân giữa ông Phạm Duy T và bà Nguyễn Thụy Thanh T1 là hôn nhân hợp pháp.

Theo nguyên đơn ông T trình bày: Sau khi kết hôn cuộc sống vợ chồng hạnh phúc được vài năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hợp nhau. Hai người đã sống ly thân từ cuối năm 2017 đến nay, nên ông xin được ly hôn với bà T1.

Bị đơn bà Nguyễn Thụy Thanh T1 thừa nhận tình trạng hôn nhân giữa hai người theo như ông T trình bày, bà đồng ý ly hôn với ông T.

Như vậy quan hệ hôn nhân giữa ông T và bà T1 đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được; Vợ chồng không còn tình cảm gì với nhau, đã sống ly thân, không muốn hàn gắn đoàn tụ cũng như cả hai đều có nguyện vọng ly hôn.

Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Duy T về việc xin ly hôn với bà Nguyễn Thụy Thanh T1.

[3.2] Về con chung:

Ông T và bà T1 có 01 con chung tên là Phạm Nguyễn G, sinh ngày 07/9/2004. Theo trình bày của ông T, bà T1 thì hiện nay ông T đang trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Cháu Phạm Nguyễn G có nguyện vọng được sống với ông T. Do vậy, Hội đồng xét xử xét xử ghi nhận ý kiến của các bên, giao con chung cho ông T tiếp tục nuôi dưỡng sau ly hôn.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: ông T không yêu cầu nên tạm thời miễn cho bà T1 nghĩa vụ trên.

Bà T1 có quyền thăm nom con chung không ai được quyền cản trở. Vì quyền lợi của con chung chưa thành niên, các bên được quyền thay đổi việc nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

[3.3] Về T sản chung và nợ chung: Không có, không xem xét giải quyết.

[4] Về án phí: Ông Phạm Duy T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với tranh chấp hôn nhân gia đình theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 28, 35, 39, 91, 147, 238, 266, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 9, Điều 11 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000; các điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của ông Phạm Duy T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Phạm Duy T được ly hôn với bà Nguyễn Thụy Thanh T1.

2. Về con chung: Giao con chung Phạm Nguyễn G, sinh ngày 07/9/2004 cho ông Phạm Duy T trực tiếp nuôi dưỡng, tạm thời bà Nguyễn Thụy Thanh T1 không phải cấp dưỡng nuôi con; bà T1 có quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con chung chưa thành niên, các bên được quyền thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về T sản chung và nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Ông Phạm Duy T phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm đối với tranh chấp hôn nhân gia đình. Số tiền 300.000đ tạm ứng án phí ông T đã nộp, theo Biên lai thu số 0005263 ngày 06/7/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Định Quán được trừ vào tiền án phí ông T phải chịu.

Các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện Định Quán;
- Chi cục THADS huyện Định Quán;
- UBND xã Phú Tân;
- Lưu.

Phạm Ngọc Quyền

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Hoàng Xuân Mẫn

Dương Văn Hạnh

Phạm Ngọc Quyền

